

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

GÓI THẦU: XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN PHẦN MỀM QUẢN LÝ CSDL VÀ HOẠT ĐỘNG CHO ỦY BAN QUỐC GIA VỀ HỢP TÁC KINH TẾ QUỐC TẾ

CHỦ ĐẦU TƯ: DỰ ÁN HỖ TRỢ THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ (DỰ ÁN USAID/STAR PLUS).

ĐỊA CHỈ: TẦNG 4 số 53 QUANG TRUNG, HÀ NỘI

ĐT: 04 3944 7391, SỐ LỀ 235; EMAIL: tuanh.starvn@fpt.vn

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG: ỦY BAN QUỐC GIA VỀ HỢP TÁC KINH TẾ QUỐC TẾ

ĐỊA CHỈ: TẦNG 6, 2A PHẠM SỰ MẠNH, HÀ NỘI

Website: <http://www.nciec.gov.vn/>

Hà Nội, 2011

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt	3
A. Chỉ dẫn đối với nhà thầu	4
B. Yêu cầu về kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá	9
C. Biểu mẫu	15
Mẫu số 1. Đơn chào hàng	15
Mẫu số 4. Biểu giá chào	19
D. Dự thảo hợp đồng.	20

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh
HSDX	Hồ sơ đề xuất
HNKTQT	Hội nhập Kinh tế Quốc tế
CSDL	Cơ sở dữ liệu
Luật sửa đổi	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009
Nghị định 85/CP	Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng
VND	Đông Việt Nam

A. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Mục 1. Nội dung gói thầu

Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu Xây dựng và triển khai dự án phần mềm quản lý CSDL và hoạt động cho Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế.

Mục 2. Phạm vi cung cấp

- Xây dựng phần mềm quản lý CSDL và hoạt động cho Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế;
- Triển khai cài đặt, đào tạo, hỗ trợ vận hành cho hoạt động của phần mềm tại Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế;
- Bảo hành phần mềm trong thời gian 12 tháng.

Mục 3. Thời hạn cung cấp hàng hóa

Thời gian thực hiện xây dựng CSDL là không quá 4 tháng (không kể ngày lễ, thứ 7, chủ nhật) kể từ ngày công bố kết quả.

Mục 4. Nội dung của HSDX

1. HSDX cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc chào hàng cạnh tranh phải được viết bằng tiếng Việt.

2. HSDX do nhà thầu chuẩn bị bao gồm các nội dung sau:

- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật hoặc Quyết định thành lập đối với các tổ chức không có đăng ký kinh doanh) phù hợp với lĩnh vực tham gia dự thầu;
- Đơn chào hàng theo Mẫu số 1 Phần C;
- Biểu giá chào theo Mẫu số 4 Phần C;
- Các cam kết và đảm bảo thực hiện khi trúng thầu của nhà thầu;

Mục 5. Đơn chào hàng

Đơn chào hàng được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 Phần C, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

Mục 6. Giá chào hàng

1. Giá chào hàng là giá do nhà thầu nêu trong đơn chào hàng sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Nhà thầu chào giá cho toàn bộ hàng hóa theo hình thức hợp đồng trọn gói. Giá chào hàng phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của HSYC. Giá chào hàng được chào bằng **đồng tiền Việt Nam**.

2. Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 4 Phần C, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

Mục 7. Thời gian có hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX là 17:00 giờ, ngày 14 tháng 11 năm 2011.

Mục 8. Chuẩn bị và nộp HSDX

1. HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn chào hàng) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

2. Nhà thầu nộp HSDX đến bên mời thầu bằng cách gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX là 17:00 giờ, ngày 14 tháng 11 năm 2011. HSDX của nhà thầu gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại.

Mục 9. Làm rõ HSDX

1. Trong quá trình đánh giá HSDX, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSDX thiếu tài liệu theo yêu cầu của HSYC với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá chào.

Mục 10. Đánh giá các HSDX

Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDX, bao gồm:

a) Tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Mục 4 Phần này (sau khi đã làm rõ hoặc bổ sung tài liệu theo yêu cầu của bên mời thầu);

b) Thời gian và chữ ký hợp lệ trong các tài liệu như đơn chào hàng, biểu giá chào, thỏa thuận liên danh (nếu có);

c) Hiệu lực của HSDX theo quy định tại Mục 7 Phần này.

HSDX của nhà thầu sẽ bị loại bỏ và không được xem xét tiếp nếu nhà thầu không đáp ứng một trong các nội dung nói trên.

2. Đánh giá về kỹ thuật: Bên mời thầu đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSYC đối với các HSDX đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. HSDX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”.

3. So sánh giá chào:

a) Bên mời thầu tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Điều 30 Nghị định 85/CP.

b) Bên mời thầu so sánh chào của các HSDX đáp ứng về kỹ thuật để xác định HSDX có giá chào thấp nhất được xếp thứ nhất.

Mục 11. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSDX hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong HSYC;
- Có đề xuất về mặt kỹ thuật cao hơn hoặc bằng với thông số kỹ thuật được phê duyệt.
- Có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và không vượt giá gói thầu.

Mục 12. Thông báo kết quả chào hàng

Bên mời thầu thông báo kết quả chào hàng bằng văn bản cho tất cả các nhà thầu tham gia nộp HSDX sau khi có quyết định phê duyệt kết quả chào hàng. Đối với nhà thầu trúng thầu phải ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

Mục 13. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Bên mời thầu tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu trúng thầu để chủ đầu tư ký kết hợp đồng.

Mục 14. Kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả chào hàng và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 của Luật Đấu thầu, Chương X Nghị định 85/CP.

Mục 15. Xử lý vi phạm

Trường hợp nhà thầu có các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi, Nghị định 85/CP và các quy định pháp luật khác liên quan.

B. YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

I. Yêu cầu về kỹ thuật

Tổ chuyên gia sẽ đánh giá các yêu cầu kỹ thuật của các nhà thầu từ:

- Hồ sơ đề xuất giải pháp của trang web.
- Kết quả kiểm tra demo trang web về khả năng đáp ứng của phần mềm: Nhà thầu phải cung cấp đĩa CD chứa phần mềm, tài liệu, hướng dẫn sử dụng demo của phần mềm.

1. Yêu cầu về nền tảng và môi trường phát triển hệ thống

STT	Nội dung	Yêu cầu
1	Hệ điều hành máy chủ	<i>Window Server 200 3 hoặc 2008R2</i>
2	Hệ Quản trị CSDL	<i>MS SQL Server 2005 hoặc 2008</i>
3	Máy chủ Web	<i>Microsoft IIS 7.0</i>
4	Công cụ Phát triển	<i>MS Visual Studio 2008</i>
5	Nền tảng lập trình	<i>Công nghệ Microsoft Share Point hoặc tương đươg</i>
6	Kiến trúc lập trình	<i>Mô hình lập trình 3 lớp</i>
7	Ngôn ngữ lập trình	<i>C#, ASP.NET, DOT.NET</i>
8	Phát triển module	<i>WebPart/ Use Control</i>
9	Công cụ customize	<i>SharePoint Designer 2007</i>
10	Hệ điều hành máy trạm	<i>Hệ điều hành của Microsoft như WindowsXP, Windows7,...</i>

STT	Nội dung	Yêu cầu
11	Trình duyệt web	<i>Có thể hoạt động trên bất kỳ trình duyệt internet.</i>

2. Yêu cầu về sao lưu và phục hồi hệ thống CSDL

- Hệ thống được thiết kế phải bảo đảm giảm thiểu mức thấp nhất tổn thất do các sự cố về dữ liệu của ứng dụng cũng như hệ điều hành. Khi dữ liệu của ứng dụng bị hỏng hoặc hệ điều hành bị sụp đổ, yêu cầu hệ thống phải bảo đảm các dữ liệu backup cho việc phục hồi trạng thái làm việc ổn định.
- Hệ thống phải có cơ chế sao lưu CSDL. Cách tiến hành phải được thủ tục hoá và phải cung cấp cho người sử dụng quy trình sao lưu hệ thống theo ngày.
- Thời gian để phục hồi hệ thống không quá 24h.

3. Yêu cầu bảo mật, an ninh và an toàn hệ thống

- Hỗ trợ khả năng phân quyền và bảo mật cho các lớp người dùng khác nhau.
- Hỗ trợ việc sử dụng chuẩn truyền thông SSL.
- Khả năng bảo mật nhiều mức: mức hệ thống, hệ điều hành, mức ứng dụng
- Khả năng đăng nhập một lần(SSO).
- Khả năng ghi nhật ký hệ thống(System Log) và Nhật ký sự kiện(Event Log).

4. Yêu cầu về chuẩn kết nối giữa hệ thống và các hệ thống khác

- **Chuẩn kết nối:** Web services HTTP/SOAP, HTTPS/SOAP hoặc tương đương.
- **Dữ liệu trao đổi:** theo cấu trúc và định dạng XML.

5. Yêu cầu về hệ thống

- **Font chữ:** Tiếng Việt theo chuẩn Unicode 6909:2001
- **Giao diện thiết kế:** trên màn hình độ phân giải tối thiểu 1024x768, chế độ màu tối thiểu high color (16 bits)
- **Ngôn ngữ sử dụng:** Trong toàn bộ hệ thống là tiếng việt.
- **Định dạng ngày:** được sử dụng trong hệ thống là dd/mm/yyyy
- **Định dạng số:** được sử dụng trong hệ thống là [000.000,000]
- Giao diện xây dựng chương trình phải được xây dựng đảm bảo tính nhất quán, giúp đơn giản hoá việc thay đổi giao diện của phần mềm trong quá trình sử dụng và trong sự phát triển, nâng cấp trong tương lai.

6. Yêu cầu khác

- Khả năng quản lý nội dung trang Web (Web Content Management): cho phép chỉnh sửa, và tùy biến nội dung hoặc giao diện ngay trên trang Web mà không cần đến công cụ hoặc phần mềm cài thêm của hãng thứ 3 khác.

II. Tiêu chuẩn đánh giá

Mục 1. TCDG về mặt kỹ thuật theo tiêu chí "đạt", "không đạt"

STT	Nội dung yêu cầu	Nhà thầu chào	Đánh giá (Đạt/Không đạt)
I	Yêu cầu chung của phần mềm		
1	Phần mềm phải thiết kế có giao diện form. CSDL, tích hợp với nhau qua giao diện nhất quán.		
2	Có tính mở, tùy biến và có khả năng nâng cấp, mở rộng trong tương lai (nhà thầu phải nêu bật được tính mở của hệ thống khi nâng cấp, mở rộng CSDL)		
3	Tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu về bảo mật dữ liệu.		
4	Phần mềm được xây dựng trên nền tảng công nghệ của Microsoft SharePoint hoặc tương đương.		
5	Hệ điều hành máy chủ Window Server 2003 hoặc 2008R2, các hệ điều hành máy trạm là hệ điều hành của Microsoft như WindowsXP, Windows7,...		
6	Phần mềm sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS SQL Server 2003 hoặc 2008 hoặc tương đương.		
II	Yêu cầu về chức năng, kỹ thuật		
1	CSDL về Hội Nhập KTQT với các mức độ truy cập khác nhau - Các thể chế hợp tác kinh tế đa phương (WTO, ASEAN, APEC, ASEM, ASEAN+, ...) và song phương (Việt Nam-Hoa Kỳ, ...) - Bản tin chuyên đề		
2	Tương tác 2 chiều giúp NCIEC chỉ đạo, điều phối các công việc về HNKTQT tới Đầu mối HNKTQT		
3	Diễn đàn mở tham vấn ý kiến về các vấn đề liên quan tới Hội nhập KTQT		
4	Hỏi đáp về Hội nhập KTQT		
5	Đào tạo & phổ biến kiến thức trực tuyến về Hội nhập KTQT		
6	Tạp chí Hội nhập online		
7	Quản lý công việc chung trong văn phòng UB HTKTQT		
III	Bảo mật, an toàn dữ liệu		
1	Bảo mật , an toàn thông tin cho hệ thống - Hệ thống xác thực người dùng tin cậy đảm bảo bảo mật cao - Có các cơ chế mã hoá thông tin quan trọng như tài khoản, mật khẩu. - Lưu vết các thông tin truy cập, thao tác trên hệ thống		

STT	Nội dung yêu cầu	Nhà thầu chào	Đánh giá (Đạt/Không đạt)
	- Lập báo cáo vận hành hệ thống - Phân quyền tối từng đối tượng truy cập đến tài nguyên của hệ thống		
2	An toàn dữ liệu - Hệ thống có chức năng phục hồi dữ liệu theo chỉ định của người quản trị hệ thống: hàng ngày, hoặc khi hệ thống có sự cố - Hệ thống backup hỗ trợ các loại media khác nhau như: tape, CD, DVD, harddisk... - Khi có sự cố xảy ra với hệ thống hiện tại, hệ thống phải tự động phục hồi dữ liệu đã sao lưu gần nhất theo chỉ định của người dùng hoặc quản trị hệ thống		
IV	Bảo hành		
	- Cam kết về bảo hành sản phẩm - Thời gian bảo hành phần mềm 12 tháng		
V	Tổ chức cung cấp và cài đặt		
	Có quy trình phối hợp với chủ đầu tư xác định kế hoạch triển khai, cài đặt		

Mục 3. Nội dung xác định giá đánh giá

TT	Nội dung	Căn cứ xác định
1	Xác định giá chào hàng	Theo Mục 6
2	Sửa lỗi	Theo quy định tại Điều 30 Nghị định 85/CP
3	Hiệu chỉnh các sai lệch	
4	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (giá đề nghị trúng thầu)	Giá trị của nội dung (1)+(2)+(3)
5	Giá đánh giá	Giá trị nội dung (4)

ĐƠN CHÀO HÀNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên bên mời thầu*]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh số ____ [*Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*] cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất*].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽¹⁾
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 15 Phần A của HSYC này.

BIỂU GIÁ CHÀO

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa	Thời hạn bảo hành	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (bao gồm cả chi phí vận chuyển)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (7) x (9)
1
2
3
...								
Cộng								
Thuế								
Phí (nếu có)								
Tổng cộng								

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

D. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005];

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005];

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009];

- Căn cứ⁽²⁾ _____ [Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả chào hàng gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả chào hàng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu tại Phụ lục kèm theo

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả chào hàng;
4. Hợp đồng đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với dự thảo hợp đồng.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

5. Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh và các tài liệu bổ sung hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*]
2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản ...*].
 - b) Thời hạn thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật.*]
 - c) Số lần thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng*].

Điều 6. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Mục 3 Phần A, HSDX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
 - b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
 - c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
 - d) Các nội dung khác (nếu có).
2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:
 - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là ____ ngày trước khi ký hợp đồng*]
 - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [*Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính.*]
 - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ % giá hợp đồng [*Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 3% giá hợp đồng*].
 - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định*].
2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: _____ [*Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu*].

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- b) Bên B bị phá sản, giải thể;
- c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong HSYC, cụ thể là: _____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo*].

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: _____ [*Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả địa điểm giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu*].

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: _____ [*Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm ... cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm*]. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 13. Bảo quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật*].

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: _____ [Nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành ...].

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ [Ghi cụ thể thời gian] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ [Ghi cơ chế xử lý tranh chấp].

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC

DANH MỤC HÀNG HÓA THEO HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số ____, ngày __ tháng __ năm __)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở HSYC, HSĐX và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm danh mục hàng hóa được cung cấp].

Danh mục hàng hóa:

1.....

2.....

3.....

.....